

Số: 665/NMĐSH1-KTATMT

Hậu Giang, ngày 17 tháng 04 năm 2025

V/v cung cấp báo giá “Một số vật tư C&I xử lý bất thường thiết bị các Tổ máy”

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm “Một số vật tư C&I xử lý bất thường thiết bị các Tổ máy”. NMNĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc:

- Danh mục hàng hóa: như Phụ lục Đính kèm;
- Hàng hóa mới 100%, bảo hành tối thiểu 12 tháng;
- Sản xuất từ năm 2024 trở lại đây hoặc nhà thầu đề xuất (có thư xác nhận của nhà sản xuất).
- Các vật tư/thiết bị nhà thầu chào phải có tài liệu của nhà sản xuất, CO và CQ hoặc các tài liệu có giá trị tương đương cung cấp bởi nhà sản xuất/Cơ quan có thẩm quyền;
- Nhà thầu báo giá dựa trên xuất xứ của phụ lục: “Danh mục hàng hóa”, trong trường hợp vật tư/thiết bị có nguồn gốc xuất xứ khác thì phải có thư xác nhận của nhà sản xuất.

2. Tiến độ cung cấp: Nhà thầu đề xuất tiến độ tốt nhất để Nhà máy xem xét.

3. Địa điểm giao hàng: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Thị trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang.

4. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày chào giá.

5. Thời gian gửi báo giá: trước 17h00 ngày 27/04/2025.

6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.

7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng KTATMT - NMNĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Email: haipdm@pvpgb.vn; khoitm@pvpgb.vn; tientn@pvpgb.vn; hanhbx@pvpgb.vn; giangtth@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.

NMNĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Nhà máy (để b/c);
- Phòng: TM, KHTC;
- Lưu VT, KTATMT (T.N.T).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Chính

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm Công văn số 66/NMĐSH1-KTATMT ngày 11 tháng 04 năm 2025

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
1	Volume Booster Relay	YT 300N1 - Air Connection Type: NPT - Ambient Temp.: -20 ~ 70 °C (-4 ~ 158 °F) - Max. Supply Pressure: 1 MPa (10 bar) - Max. Signal / Output Pressure: 0.7 MPa (7 bar) - Signal / Output Pressure Ratio: 1 : 1 - Flow Capacity (Cv): + Exhaust: 1.32 + Output: 1.19 - Supply / Output Connection : 1/4 NPT - Signal Connection : 1/4 NPT - Housing Material: Aluminum	Rotork	OECD	27	pcs	*
2	Volume Booster Relay	YT-320N1 - Max Supply Pressure: 1 MPa (10 bar) - Max Sig. / Out Pressure: 0.7 MPa (7 bar) - Signal / Output Pressure Ratio: 1 : 1 - Flow Capacity (Cv): + Exhaust: 2.08 + Output: 2.72 - Supply/Output connection: 1/2 NPT - Signal connection: 1/4 NPT - Linearity: ±1% F.S. - Ambient Temp: Standard Temp. : -20 ~ 70 °C - Housing Material: Aluminum	Rotork	OECD	11	pcs	*

3

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
3	Volume Booster Relay	YT 310N1 - Air Connection Type: NPT - Max Supply Pressure: 1 MPa (10 bar) - Max Sig. / Out Pressure: 0.7 MPa (7 bar) - Signal / Output Pressure Ratio: 1 : 1 - Flow Capacity (Cv): + Exhaust: 5.24 + Output: 4.91 - Supply/Output connection: 3/4 NPT - Signal connection: 1/4 NPT - Linearity: ±1% F.S. - Ambient Temp: -20C ~ 70C - Material: Aluminum	Rotork	OECD	7	pcs	*
4	Actuator control	- AM02.1 - 3 phase - Power supply: 400V AC - Control: 24V DC Phải phù hợp để thay thế cho Actuator control model AM 02.1 (Order no: 13454549, TPA: 00R1BB-101-000, MSP: 1110KC3-F18E1) hiện hữu nhà máy điện Sông Hậu 1 đang sử dụng.	Auma	Châu Âu	1	pcs	*



STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
5	Inductive proximity sensor	- Model: PRDCML18-14DP - Item: Inductive proximity sensor - Shape: Cylindrical type - Feature: Long sensing distance type - Connection: Connector type - Body size: Long body - Dimension: 18mm (Diameter of head) - Sensing distance: 14mm - Control output: PNP N.O.(Normally Open) - Power supply (Operating voltage): 12-24VDC(10-30VDC) - Protection: IP67(IEC standards)	Autonics	OECD	1	pcs	*
6	Digital Valve Controller	- Type: DVC6200HW2 - Input DC: 4-20 mA - Max Pressure: 10 bar Connections - Supply Pressure: 1/4 NPT - Output Pressure: 1/4 NPT - Electrical: 1/2 NPT Phải phù hợp để thay thế cho Digital Valve Controller model DVC6200HW2 (Serial No: F001601248) hiện hữu nhà máy điện Sông Hậu 1 đang sử dụng.	Fisher	Châu Âu/ ASEAN/ OECD	1	pcs	*



STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
7	Electromagnetic flowmeter	- Promag W 400 - Order code: 5W4C1H-W997/101 - Approval: Non-hazardous area - Design: Fixed flange - Power Supply: 100-240VAC/24VAC/DC - Output; Input: 4-20mA HART, pulse/freq., switch output - Housing: Compact, alu, coated - Cable, Remote Version: Not used - Electrical Connection: Gland M20 - Liner: Hard rubber - Process Connection: Cl.150, carbon steel, flange ASME B16.5 - Electrodes: Alloy C22, bullet nose - Calibration Flow: 0.2% - Display; Operation: WLAN - Customized Parameterization: Output 1 - Current span: 4...20 mA NAMUR - Value 0/4 mA: 0,00000 m3/h; Value 20 mA: 50,00000 m3/h - Failsafe mode current output: Max. - Damping output 1: 1,00000 s - Test, Certificate: Inspection certificate 3.1, EN10204 (material certificate meas. tube+flange) - Marking: Tagging (TAG) Phải phù hợp để thay thế cho Electromagnetic flowmeter model Promag W 400 (Serial No: R216FB19000) hiện hữu nhà máy điện Sông Hậu 1 đang sử dụng.	Endress - Hauser	Châu Âu	1	pcs	*



STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
8	Filter reducer	- UZRRM4/7F20TM - Maximum pressure: 16 bar - Fluid: Compressed air - Size: G 1/4 - Adjusting range: 0,8 to 9 bar - Degree of filtration : 20 µm - Condensate drainage system: Manual - Bowl: Transparent	Waircom	Châu Âu	6	pcs	*
9	Pressure gauge	- MA-40-16-1/8 - Part number: 345395 - Design: Bourdon tube pressure gauge - Operating pressure: 0 bar ... 16 bar - Pneumatic connection: G1/8 - Material in contact with the medium: Brass - Material screwed plug: Brass - Material housing: ABS	Fessto	Châu Âu/ ASEAN/ OECD	6	pcs	*



STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
10	Filter Regulator	- Model: 8651APBL2Q101HN - Thread connection: NPTF - Product series: 651 - Revision letter: A - Product type: Filter/Regulator - Particulate - Elements: 5 µm (White) - Bowl type: Metal bowl with sight gauge (glass) - Port size: 1/4 - Gauge type: Round gauge bar/PSI - Drain type: Manual/Semi-automatic drain - Pressure range: 0.5...10bar - Options: Side Mounting Brackets	AVENTIC S	Châu Âu/ ASEAN/ OECD	15	pcs	*
11	Pressure sensor	- Model A-10 - Measuring range: 0...300 psig - Process connection: 1/4 NPT - Output signal: 1 ... 5 V, 3-wire - Power supply: 8...30 V DC - Wetted parts: 316L - Angular connector DIN 175301-803 A	Wika	Châu Âu	1	set	*



STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
12	Gas Monitor (with sensor)	Bộ bao gồm Gas monitor và Sensor - Gas monitor: A-ULTIMAX-XP-E-51-I-3-S-2-0-0-0-0-0-C + Model: Explosion proof, with display + Gas Code: 51 = Comb. Gas 0-100% LEL - ATEX - 4.4% CH4 Natural Gas and H2 + Configuration: IEC approval w/metric threads + Sensor output: 3-wire mA output + Sensor Mounting Style: Sensor mounted on control unit + Relays and LEDs 3-wire -Sensor (Hydrogen gas - ATEX): A-ULTX-SENS-51-8-C Phải phù hợp để thay thế cho bộ bao gồm Gas Monitor-ULTIMAX-XP-E-51-I-3-S-2-0-0-0-0-0-C (Serial No: I16-400659620-10-001) và Sensor A-ULTX-SENS-51-8-C (Serial No: I16-400659620-10-003) hiện hữu nhà máy điện Sông Hậu 1 đang sử dụng.	Mine Safety Appliances	OECD	1	set	*
13	Cảm biến và đầu nối	- Cảm biến XTR-100 và đầu nối HPC-500P: - Dewpoint range: -110°C to +20°C (-148°F to +68°F) - Accuracy: ± 2°C (±3.6°F) for -110° to 0° Dewpoint ± 3°C (±5.5°F) for - 0° to +20° Dewpoint Phải phù hợp để thay thế cho cảm biến và đầu nối XTR-100 và HPC-500P hiện hữu nhà máy điện Sông Hậu 1 đang sử dụng.	Cosa+Xentaur (Process Insights)	OECD	1	set	*



STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
14	Acceleration Transducer	- CA-302-00-0 - Armor: Without - Sensitivity: 100mV/9.8m/s ² (100mV/g REF.)±5% at 100Hz, and 25°C - Acceleration Range: 490m/s ² (50g REF.)pk - Vibration Limit: 4,900m/s ² (500g REF.)pk - Shock Limit: 9,800m/s ² (1,000g REF.)pk - Amplitude Nonlinearity: 1.0% - Max. Shock Energy: 4J (intrinsically safe) - Natural Frequency: 30kHz - Power Supply: + 20 to 30VDC, 2 to 10mA (non-intrinsically safe) + 20 to 25.5VDC, 2 to 10mA (intrinsically safe) - Operating Temperature range: -50 to +120°C - Protection Rating: IP67 - Case Material: Stainless steel - Cable: 2-conductor shielded, Cable length : Approx.5m - Accessory: M6 Mounting stud Phải phù hợp để thay thế cho Acceleration Transducer model CA-302-00-0 (SN: RBKT0612) hiện hữu nhà máy điện Sông Hậu 1 đang sử dụng.	Shinkawa	OECD	1	pcs	*

***Yêu cầu khác:**

+ Tất cả các hàng hóa do nhà thầu cung cấp phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2024 trở về sau và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chính hãng. Các hàng hóa nêu trên là vật tư thay thế/spare part cho các thiết bị hiện hữu đang sử dụng tại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do đó, để đảm bảo tương thích, đồng bộ với thiết bị/hệ thống hiện hữu, đang sử dụng tại Nhà máy (tương thích về kích thước, khả năng lắp đặt, kết nối, điều khiển cho thiết bị/hệ thống nêu trên), VTTT phải là hàng hóa chính hãng, đúng chủng loại/model, thông số kỹ thuật như yêu cầu

- Chứng từ kèm theo hàng hóa:

+ Hàng hóa phải có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ (CO), chứng chỉ chất lượng (CQ/COA) (bản gốc hoặc bản photo công chứng hoặc bản điện tử) cung cấp bởi nhà sản xuất/cơ quan có thẩm quyền hoặc tài liệu có tính chất tương tự

+ Cam kết bảo hành của bên bán: tối thiểu 12 tháng kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu hàng hóa đưa vào sử dụng.

